

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2019/DS - ST**
Ngày: 12/11/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lợi
2. Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLST - DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được uỷ quyền: Ông Nguyễn Huy P, Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Thanh Hoá.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Văn H, Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa.

Bà Lê Thị H1, Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro.

Địa chỉ: 126,128,130 đường T, phường B, TP. Thanh Hoá.

2. Bị đơn: - Anh Lê Đình T1 - sinh năm 1984

- Chị Lê Thị T2 - Sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Thôn Tập Cát 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2019, bản tự khai ngày 30/5/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Khoản vay thứ nhất:

Theo hợp đồng cho vay số LD 1705900955 ký ngày 28/02/2017 thể hiện: Ngày 28/02/2017 anh Lê Đình T1 và chị Lê Thị T2 có vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000đ. Mục đích vay bổ sung vốn mua xe ô tô phục vụ kinh doanh. Lãi xuất cho vay: Lãi suất 3 tháng đầu tiên 10,5%/năm. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng TMCP S điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định 4%/năm. Ngân hàng TMCP S được quyền tự động xác định định kỳ điều chỉnh lãi suất và mức lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh. Phương thức trả nợ: gốc, lãi trả hàng tháng (theo hợp đồng tín dụng).

Sau đó Ngân hàng TMCP S đã giải ngân 150.000.000đ cho ông Lê Đình T1 và bà Lê Thị T2. Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu HOAMAI, tải trọng: 1250 kg; Màu sơn xanh, số máy QQ 160646041D, số khung: 11DDGCA 00191; Biển kiểm soát 36C-202.36 mang tên Lê Đình T1 theo như đăng ký số: 038862 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/02/2017.

Thời điểm hiện tại tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu HOAMAI, tải trọng: 1250 kg; Màu sơn xanh, số máy QQ 160646041D, số khung: 11 DDGCA 00191; Biển kiểm soát 36C-202.36 mang tên Lê Đình T1 đăng ký số: 038862 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/02/2017.

Khoản vay thứ hai:

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 22/02/2017, theo đó vào ngày trên ông Lê Đình T1 đã được Ngân hàng S chi nhánh Thanh Hóa cấp thẻ tín dụng với hạn

mức cho vay 10.000.000đ. Thời gian đầu anh Lê Đình T1 và chị Lê Thị T2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán tương đối đều đặn.

Kể từ kỳ trả nợ tháng 5/2018 anh Lê Đình T1 và chị Lê Thị T2 đã không thanh toán nợ vay đúng hạn cho Ngân hàng, vi phạm lịch trả nợ trên hợp đồng tín dụng và các văn bản đã ký.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo về việc quá hạn trả nợ tại ngân hàng với gia đình anh Lê Đình T1 và chị Lê Thị T2. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại gia đình anh Lê Đình T1 và chị Lê Thị T2 vẫn chưa thanh toán phần quá hạn cho Ngân hàng và có biểu hiện chây ỳ, vi phạm hợp đồng tín dụng. Hiện nay anh T1 và chị T2 còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 12/11/2019 bao gồm: - Theo hợp đồng tín dụng số LD1705900955 ngày 28/02/2017: Gốc còn lại: 87.600.000đ, lãi trong hợp đồng 18.252.704đ; tổng là 107.260.819đ. - Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 22/02/2017: Dư nợ 6.942.998đ, lãi quá hạn 2.193.830; tổng 9.136.828đ. Tổng 116.397.647đ.

Đối với anh Lê Đình T1 và chị Lê Thị T2: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T1 và chị T2 nhưng anh T1 và chị T2 không có mặt tại địa phương. Hiện nay anh T1 và chị T2 không có người thân bên nội, bên ngoại trên địa bàn. Tòa án đã tiến hành đi xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng tại tiểu khu Tập Cát 2 và UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Tại tiểu khu Tập Cát 2 ông Ngô Trọng Ư tiểu khu trưởng đã nhận các văn bản của Tòa án và ông Ư đã thông báo cho anh T1 và chị T2 biết nội dung các văn bản của Tòa án và ông yêu cầu anh T1, chị T2 về Tòa án để làm việc, nhưng anh T1 và chị T2 trao đổi với ông về khoản nợ ngân hàng khởi kiện là đúng nhưng vì điều khó khăn anh chị đang phải đi làm ăn nên không về Tòa án để làm việc được.

Tại phiên tòa đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến.

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48, Điều 49 BLTTDS. Đối với các đương sự, đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với anh T1 và chị T2 chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp

luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh T1 và chị T2 vẫn vắng mặt. Vì vậy đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T1 và chị T2 theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 463, 466 BLDS; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 228 BLTTDS; Điều 26 nghị quyết 326. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc anh T1 và chị T2 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 116.397647đ. Lãi xuất thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Về án phí: Anh T1 và chị T2 phải chịu tòa bộ án phí DSST theo quy định pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Đình T1 và chị Lê Thị T2 đã được Tòa án nhân dân huyện Nông Cống triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh T1 và chị T2.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện về việc giải quyết hợp đồng tín dụng. Xác định đây là tranh chấp về hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Giao dịch dân sự do các bên xác lập tháng 12/2017, vì vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu anh Lê Đình T1 và chị Lê Thị T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/11/2019 là 107.260.819 HĐXX xét thấy ngày 28/02/2017 giữa Ngân hàng TMCP S và anh Lê Đình T1, chị Lê Thị T2 đã ký Hợp đồng tín dụng số LD 1705900955. Ngân hàng đã cho anh T1 và chị T2 vay 150.000.000đ. Mục đích vay bổ sung vốn mua xe ô tô phục vụ kinh doanh. Lãi xuất cho vay: Lãi

suất 3 tháng đầu tiên 10,5%/năm. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng TMCP S điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/ lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định 4%/năm. Ngân hàng TMCP S được quyền tự động xác định định kỳ điều chỉnh lãi suất và mức lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh. Phương thức trả nợ: gốc, lãi trả hàng tháng (theo hợp đồng tín dụng).

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 22/02/2017, theo đó vào ngày trên ông Lê Đình T1 đã được Ngân hàng S chi nhánh Thanh Hóa cấp thẻ tín dụng với hạn mức cho vay 10.000.000đ.

Như vậy hợp đồng vay vốn trên thuộc dạng hợp đồng vay tài sản và đã được ký kết theo quy định của BLDS và luật các tổ chức tín dụng. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ, từ tháng 5/2018 anh T1 và chị T2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận.

Từ nhận định trên HĐXX xét thấy rằng Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh T1 và chị T2 phải thanh toán số tiền tính đến ngày 12/11/2019 là 9.136.828đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh T1 và chị T2 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Điều 463; Điều 466; Điều 668; Điều 288 BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết:

2. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc anh Lê Đình T1 và chị Lê Thị T2 phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền là

116.397.647đ (Một trăm mười sáu triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng) gồm:

- Nợ hợp đồng vay số LD 1705900955 ký ngày 28/02/2017 tiền gốc 87.600.000đ, lãi trong hạn 18.252.704đ, lãi quá hạn 1408.115đ; tổng 107.260.819đ.

- Nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 22/02/2017 dư nợ 6.942.998đ, lãi quá hạn 2.193.830đ; tổng 9.136.828đ.

Kể từ ngày 12/11/2019 anh T1 và chị T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng số LD 1705900955 và theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 22/02/2017 cho đến khi thanh toán xong.

Tiếp tục duy trì tài sản bảo đảm 01 xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu HOAMAI, tải trọng: 1250 kg; Màu sơn xanh, số máy QQ 160646041D, số khung: 11DDGCA 00191; Biển kiểm soát 36C-202.36 mang tên Lê Đình T1 đăng ký số: 038862 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/02/2017 theo văn bản yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/02/2017 để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Buộc anh Lê Đình T1 và chị Lê Thị T2 phải liên đới nộp 5.820.000đ tiền án phí giá ngạch tài sản. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 2.707.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0001945 ngày 20/5/2019.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình

